

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trang trại chăn nuôi lợn thịt Trần Đình Long, quy mô 3.600 con lợn thịt/đợt (7.200 con lợn thịt/năm)” tại xã Ea M’droh, huyện Cư M’gar

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh Về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Công văn số 1701/STNMT-MT ngày 17/6/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường Về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Trang trại chăn nuôi lợn thịt Trần Đình Long, quy mô 3.600 con lợn thịt/đợt (7.200 con lợn thịt/năm)” tại xã Ea M’droh, huyện Cư M’gar và Văn bản số 18/CV-ĐL ngày 18/8/2022 của Hộ chăn nuôi Trần Đình Long về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của “Dự án Trang trại chăn nuôi lợn thịt Trần Đình Long”

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 239/TTr-STNMT ngày 29/8/2022, Ý kiến của UBND huyện Cư M’gar tại Công văn số 147/UBND-NN ngày 14/01/2022 về việc xây dựng trang trại chăn nuôi heo phát triển kinh tế hộ gia đình.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trang trại chăn nuôi lợn thịt Trần Đình Long, quy mô 3.600 con lợn thịt/đợt (7.200 con lợn thịt/năm)” (sau đây gọi là Dự án) của Hộ chăn nuôi Trần Đình Long (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Ea M’droh, huyện Cư M’gar với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành./.

Nơi nhận:

- Tổng cục Môi trường (thay b/c);
 - CT, PCT UBND tỉnh;
 - Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
 - Sở Tài nguyên và Môi trường;
 - UBND huyện Cư M’gar;
 - Hộ chăn nuôi Trần Đình Long
- (Đ/c: TDP Toàn Thắng, TT Ea Pôk, H. Cư M’gar);
- Lưu: VT, NNMT (H. 07b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Y Giang Gry Niê Knong

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
TRANG TRẠI CHĂN NUÔI LỢN THỊT HỘ TRẦN ĐÌNH LONG**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2022
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên Dự án: Trang trại chăn nuôi lợn thịt Trần Đình Long.
- Địa điểm thực hiện dự án: Tại xã Ea M'droh, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.
- Chủ dự án đầu tư: Hộ chăn nuôi Trần Đình Long.
- Địa chỉ liên lạc: TDP Toàn Thắng, thị trấn Ea Pók, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Quy mô sử dụng đất: 28.502,1 m².
- Quy mô công suất
 - + Quy mô chăn nuôi: 3.600 con lợn thịt/đợt (7.200 con lợn thịt/năm).
 - + Công suất, sản phẩm của Dự án: Cung cấp khoảng 3.492 con lợn thịt/đợt (Khoảng 6.984 con lợn thịt/năm); trọng lượng lợn xuất bán đạt 100-120 kg/con.
 - Tổng nhu cầu sử dụng nước của dự án: 89,5m³/ngày (trong đó, nước cho sinh hoạt khoảng 1,3m³/ngày, nước cho hoạt động chăn nuôi 88,2m³/ngày).

1.3. Công nghệ sản xuất

- Quy trình chăn nuôi: Áp dụng theo công nghệ chăn nuôi của Công ty TNHH CJ Vina Agri.
- Hình thức chăn nuôi: Áp dụng mô hình chăn nuôi tập trung, chuồng lạnh và kín; chăn nuôi gia công cho Công ty TNHH CJ Vina Agri - Chi nhánh Đắk Lắk.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình xây dựng:

- Các hạng mục công trình chính: Diện tích là 4.355 m², gồm có:
 - + Nhà ở công nhân: 150 m²;
 - + Kho cám, vật tư: 230 m²;
 - + Chuồng trại chăn nuôi (02 chuồng): 2.700 m²;
 - + Khu vực cách ly, chăm sóc lợn ốm (02 chuồng): 300 m²;
 - + Lối đi giữa hai dãy chuồng trong 1 chuồng nuôi: 450 m²;
 - + Khoảng cách giữa các chuồng nuôi: 525 m².
- Các hạng mục công trình phụ trợ: Diện tích là 196 m², gồm có:
 - + Hồ sát trùng xe: 42 m²;
 - + Nhà đặt máy phát điện: 12 m²;

- + Nhà khử trùng: 24 m²;
- + Nhà để xe: 50 m²;
- + Tháp nước (02 cái): 18 m²;
- + Giếng khoan (02 cái);
- + Tường rào bảo vệ trại, cổng ra vào dự án;
- + Bể nước (200m³): 50m²;
- + Hệ thống cấp nước, thoát nước;
- + Hệ thống cấp điện.
- Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường: Diện tích là 3.162 m², gồm có:
 - + Khu xử lý nước thải: 1.900 m²;
 - + Nhà ủ phân và chứa phân: 360 m²;
 - + Nhà lưu chứa chất thải thông thường: 6 m²;
 - + Nhà lưu chứa chất thải nguy hại: 6 m²;
 - + Khu vực dự phòng tiêu hủy lợn chết không do dịch bệnh: 300m²;
 - + Khu vực dự phòng tiêu hủy lợn chết do dịch bệnh: 500 m²;
 - + Khu vực chôn lấp chất thải rắn thông thường: 90 m².
 - Khu vực trồng cây xanh: Diện tích là 18.634,1 m².
 - Đường giao thông nội bộ, sân bãi: Diện tích là 2.155 m².

1.4.2. Các hoạt động của dự án đầu tư:

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng:

- + Hoạt động giải phóng mặt bằng (thu dọn thảm thực vật);
- + Hoạt động đào đắp, san gạt mặt bằng;
- + Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị;
- + Hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án;
- + Hoạt động sinh hoạt của công nhân.

- Trong giai đoạn vận hành:

- + Hoạt động chăn nuôi;
- + Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào Dự án;
- + Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên làm việc tại Dự án;
- + Hoạt động vệ sinh; bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không có.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục chính, các hạng mục công trình phụ trợ, các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Dự án;

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu làm phát sinh bụi, khí thải;

- Nước thải sinh hoạt, nước thải thi công, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

2.2. Giai đoạn dự án đi vào vận hành:

- Hoạt động chăn nuôi lợn, quy trình như sau: Lợn con đã được kiểm dịch (Lợn con sau cai sữa, 4 tuần tuổi, đạt 4-6 kg) → Nuôi giai đoạn 1 (từ ngày 28 đến ngày 42, đạt trọng lượng khoảng 20 kg) → Nuôi giai đoạn 2 (từ ngày 42 đến ngày 100, đạt trọng lượng khoảng 60 kg) → Nuôi giai đoạn 3 (từ ngày 100 đến ngày 165 ngày, đạt trọng lượng khoảng 100-120 kg) → xuất bán.

- Tác động đến môi trường khi Dự án đi vào hoạt động gồm: bụi, khí thải, mùi hôi, nước thải chăn nuôi, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn chăn nuôi, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của các cán bộ, công nhân và nhân viên phục vụ Dự án, với lưu lượng khoảng 1,3 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh vật.

- Giai đoạn vận hành:

- + Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ công nhân, nhân viên tham gia hoạt động của Dự án với lưu lượng khoảng 1,3 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh.

- + Nước thải chăn nuôi (Gồm có: Nước vệ sinh chuồng trại, nước tiểu của lợn, nước tắm cho lợn, nước uống bị rơi vãi và nước thải từ hoạt động ép phân): Phát sinh với lưu lượng khoảng 62,4 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), chất lơ lửng (SS), các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng (thu dọn cây trồng, thảm thực vật); đào đắp, san gạt mặt bằng; thi công xây dựng các hạng mục chính, các hạng mục công trình phụ trợ, các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Dự án; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu. Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, NO_x, SO₂, VOCs.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động chăn nuôi; hoạt động của các phương tiện vận chuyển của công nhân, vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm

của Dự án; từ quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải. Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, NO_x, SO₂, CH₄, NH₃.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh khoảng 8 kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm: bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh khoảng 8kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm: bao bì giấy, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Khu vực dự án chỉ có một số cây bụi và cây màu ngăn ngày, chủ dự án đã hoàn thành việc thu dọn thực bì trên diện tích dự án.

+ Chất thải rắn xây dựng: gồm nguyên vật liệu không đạt chuẩn, rơi vãi trong suốt quá trình thi công (Ước tính 24 tấn, khoảng 460 kg/ngày).

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn chăn nuôi: Phân lợn khoảng 7,56 tấn/ngày; bao bì đựng cám khoảng 2,7 kg/ngày (75,6 kg/tháng); xác lợn chết từ quá trình chăm sóc khoảng 108 con/đợt nuôi (Tỷ lệ chết khoảng 3%).

+ Bùn thải: Bùn thải từ bể tự hoại; bùn từ bể biogas ước khoảng 1.021 kg/ngày (372,67 tấn/năm); bùn từ cụm bể xử lý sinh học của hệ thống xử lý nước thải khoảng 52,1 kg/ngày (18,756 tấn/năm).

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu với khối lượng ít; thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, giẻ lau có dính dầu, bóng đèn huỳnh quang, ắc quy, pin, bao bì cứng nhựa có chứa thành phần nguy hại.... , ước tính khoảng 138kg.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động của dự án với khối lượng khoảng 119 kg/năm; thành phần chủ yếu là các loại bao bì thuốc thú y, dụng cụ thú y (bơm kim tiêm,...), bao bì hóa chất, bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in thải, giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ thải. Ngoài ra, khi có dịch bệnh phát sinh, dự án sẽ có xác lợn chết do dịch bệnh cần phải tiêu hủy, xử lý.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh từ hoạt động san gạt, đào đắp; vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị; thi công các hạng mục công trình của Dự án.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động chăn nuôi; vận hành các máy móc, thiết bị phục vụ Dự án; các phương tiện giao thông, vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm của Dự án.

- Các quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.4. Các tác động khác

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Tác động do nước mưa chảy tràn (Lưu lượng lớn nhất khoảng 517 m³/ngày).

+ Tác động đến hoạt động giao thông trong khu vực dự án (trên đường liên thôn, liên xã) và vùng dự án.

- Giai đoạn vận hành:

+ Tác động do nước mưa chảy tràn (Lưu lượng lớn nhất khoảng 850,3 m³/ngày tại diện tích đã được xây dựng, 338m³/ngày tại diện tích cây xanh).

+ Tác động đến hoạt động giao thông trong khu vực dự án (trên đường nội bộ) và vùng lân cận dự án.

+ Tác động do hoạt động khai thác nước dưới đất: Việc khai thác nước ngầm thường xuyên, không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật sẽ có nguy cơ làm hạ thấp mực nước ngầm trong khu vực; gây sụt lún các lớp đất đá trong tầng chứa nước và gây sụt lún công trình

+ Tác động do sự cố cháy nổ, dịch bệnh.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng: Ưu tiên xây dựng nhà phục vụ trước (có nhà vệ sinh khép kín kèm bể tự hoại) để xử lý nước thải sinh hoạt. Bể tự hoại 03 ngăn, thể tích 6m³ (kích thước: 3m x 2m x 1m).

b) Giai đoạn vận hành:

- Quy trình thu gom nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: Được thu gom, xử lý sơ bộ (Nước thải nhà vệ sinh được xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn có thể tích 6m³ đã được xây dựng trong giai đoạn thi công; nước thải từ các hoạt động sinh hoạt khác được thu gom, dẫn qua song chắn rác) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi: Được thu gom cùng với phân lợn → Theo đường ống dẫn nước thải PVC D200mm (Bố trí dọc theo dãy chuồng nuôi) → Hồ ga chuyên tiếp → Hệ thống ống dẫn PVC D200mm → Bể thu gom 1 → Bơm, máy ép tách phân (Tách khoảng 50% lượng phân lẫn trong nước thải) → Nước thải sau khi đã tách phân → Bể thu gom 2 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

+ Hệ thống ống dẫn thu gom nước thải từ chuồng nuôi đến các bể thu gom được thiết kế đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và không trùng với đường ống thoát nước

khác; có tạo độ dốc để dễ thoát nước. Các hạng mục của công trình xử lý nước thải được chống thấm theo quy định.

- Quy trình, công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung (Công suất 80 m³/ngày đêm):

+ Nước thải (Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại được đưa vào Bể điều hòa và Nước thải chăn nuôi được thu về Bể thu gom 1 để ép tách phân, sau đó đưa về Bể thu gom 2 → Hàm biogas) → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí (Anoxic) → Bể sinh học hiếu khí (Aerotank) → Bể lắng sinh học → Hồ sinh học có trồng thực vật thủy sinh → Hồ chứa, nước thải đảm bảo đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Cột B.

- Hồ chứa (Thể tích là 861m³) để lưu chứa nước thải, tái sử dụng vào mục đích tưới tiêu cho diện tích cây xanh của dự án và vệ sinh đường nội bộ vào mùa khô; vào mùa mưa, nước thải được thoát ra suối nhỏ giáp ranh dự án về phía Nam.

- Lắp đặt đồng hồ hoặc thiết bị đo lưu lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải. Lập nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành Dự án, đảm bảo các quy định hiện hành. Nước thải sau xử lý phải đảm bảo đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, cột B; đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải giai đoạn thi công

- Ưu tiên xây dựng trước hạng mục tường rào bao quanh dự án để cách ly dự án và giảm thiểu tác động của quá trình xây dựng tới khu vực lân cận. Giữ lại diện tích cây xanh hiện có để tạo hành lang cây xanh cho dự án, giảm thiểu phát tán bụi ra môi trường xung.

- Tất cả các phương tiện, thiết bị tham gia thi công xây dựng và vận tải phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường. Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ra vào khu vực dự án được phủ bạt để hạn chế việc rơi vãi, phát tán chất thải trên đường vận chuyển; chở đúng tải trọng quy định; phun nước tưới ẩm nhằm giảm thiểu lượng bụi trên công trường với tần suất 1-2 lần/ngày vào những ngày nắng nóng. Bố trí khu vực tập kết nguyên vật liệu xây dựng phù hợp, phủ bạt che chắn tránh phát tán gây ô nhiễm bụi.

- Công trình: không có.

b) Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải giai đoạn vận hành:

- Giảm thiểu bụi, khí thải, tiếng ồn từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm, cụ thể như sau:

+ Các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị hoạt động tại Dự án phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị theo quy định.

+ Các phương tiện vận tải (vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào khu vực dự án) được phủ bạt kín để hạn chế rơi vãi nguyên vật liệu hoặc phát tán chất thải ra môi trường; chở đúng tải trọng quy định.

+ Khu vực tiếp nhận nguyên vật liệu xuất sản phẩm của dự án được bố trí gần cổng chính ra vào, thuận tiện cho các phương tiện vận tải ra vào Dự án; giảm các hoạt động vận chuyển trong khu vực chăn nuôi và khuôn viên Dự án.

- Giảm thiểu bụi, khí thải, mùi hôi, tiếng ồn từ quá trình chăn nuôi:

+ Chuồng trại chăn nuôi được thiết kế thông thoáng, lắp đặt hệ thống lạnh và kín, đảm bảo các quy định về an toàn kỹ thuật trong chăn nuôi và khả năng thông gió tự nhiên theo yêu cầu vệ sinh công nghiệp. Lắp đặt quạt thông gió để thông thoáng khí trong khu vực nhà kho. Bố trí lưới chống côn trùng trong khu vực chuồng trại để ngăn chặn sự xâm nhập của các côn trùng vào khu vực chăn nuôi, đảm bảo an toàn sinh học trong chăn nuôi.

+ Xử lý mùi hôi trong khu vực chuồng trại chăn nuôi, khu vực xử lý nước thải bằng phương pháp sử dụng chế phẩm sinh học SGE-BioTech 01, dung dịch SOS (Super oxidized solution). Lắp đặt hệ thống phun sương dung dịch tại mỗi chuồng nuôi, bố trí dọc theo 2 bên dãy chuồng; thực hiện phun khoảng 15 phút trước khi vệ sinh chuồng trại và vào các thời điểm khác có nguy cơ phát sinh mùi hôi (trong trường hợp cần thiết) để hấp thụ các chất gây mùi và hỗ trợ tiêu diệt các vi sinh vật có hại trong môi trường không khí chuồng nuôi.

+ Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh và phòng chống dịch bệnh theo quy trình chăn nuôi của Công ty TNHH CJ Vina Agri. Vệ sinh chuồng trại thường xuyên, tránh lưu trữ, tồn đọng phân và nước thải trong chuồng (Định kỳ 1 ngày/lần). Sử dụng chế phẩm sinh học (Chế phẩm Bio-Al) để giảm thiểu mùi hôi trong quá trình ủ phân.

+ Phát quang bụi rậm, khơi thông và vệ sinh cống rãnh; định kỳ phun thuốc sát trùng, diệt muỗi và côn trùng xung quanh khu chăn nuôi theo đúng quy trình chăn nuôi lợn an toàn sinh học, vệ sinh thú y (Tối thiểu 1 lần/tuần).

- Giảm thiểu mùi hôi từ quá trình xử lý nước thải:

+ Hệ thống thu gom nước thải là ống nhựa PVC, thiết kế hệ thống có độ dốc phù hợp để tránh hiện tượng ứ đọng nước thải, gây mùi hôi.

+ Kiểm soát mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải thông qua thiết kế các bể xử lý (đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường); lắp đặt hệ thống thu hồi khí sinh học phát sinh từ hầm biogas để chạy máy phát điện phục vụ Dự án.

+ Vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình để hạn chế phát tán mùi, khí độc gây ô nhiễm môi trường.

+ Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của hầm biogas và hệ thống xử lý nước thải tập trung nhằm hạn chế tối đa các sự cố xảy ra.

- Kiểm soát mùi hôi phát sinh từ quá trình ủ phân: Phân lợn sau máy ép phân được đưa về nhà ủ phân; quá trình ủ phân có sử dụng chế phẩm vi sinh, phủ bạt để tăng hiệu quả xử lý và hạn chế phát tán mùi hôi ra môi trường xung quanh. Phân sau ủ được đóng bao, buộc kín và được lưu chứa tạm tại kho chứa phân.

- Các biện pháp khác:

+ Xây dựng tường rào bao quanh khu vực Dự án, cách ly khu vực chăn nuôi và khu vực xử lý chất thải với đường nội bộ và vùng lân cận.

+ Bê tông đường giao thông nội bộ. Trồng và duy trì diện tích cây xanh (Diện tích là 18.634,1 m²), bao gồm: Tạo dải cây xanh cách ly dọc theo tường rào dự án và diện tích cây xanh trong khuôn viên dự án; đảm bảo tỷ lệ, mật độ cây xanh và các yêu cầu về khoảng cách, hành lang an toàn theo quy định.

c) *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý, giám sát, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của Dự án, bảo đảm môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án đạt QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí thùng chứa rác có nắp đậy (loại 10 lít) đặt tại khu vực nhà tạm hiện có để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh; thực hiện phân loại chất thải tại nguồn để có biện pháp xử lý theo quy định. Chất thải hữu cơ được chôn lấp hợp vệ sinh trong khu vực Dự án; chất thải có thể tái chế được thu gom, bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Toàn bộ chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình xây dựng sẽ được thu gom, xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy (Loại 15 lít và 60 lít) đặt tại khu nhà phục vụ, bếp ăn và tuyến đường giao thông nội bộ để thu gom tất cả các loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ Dự án; thực hiện phân loại chất thải tại nguồn để có biện pháp xử lý theo quy định.

+ Đối với chất thải có nguồn gốc hữu cơ: Được chôn lấp hợp vệ sinh trong khu vực Dự án. Bố trí diện tích hố chôn lấp về phía Đông Nam dự án, diện tích khoảng 90m². Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị hoạt động dịch vụ công ích môi trường của địa phương thu gom, vận chuyển và xử lý đúng theo quy định (nếu có).

+ Đối với chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế: Thu gom, lưu chứa trong thùng chứa (Loại 15 lít) và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Chất thải chăn nuôi:

+ Phân lợn thu được sau máy ép phân (được giảm độ ẩm) → Nhà ủ phân (Thực hiện ủ phân trong điều kiện hiếu khí có đảo trộn với thời gian là 30 ngày, che phủ bằng bạt HDPE; trong quá trình ủ phân có phối trộn thêm super lân và chế phẩm vi sinh Bio-Al) → Đóng bao kín, lưu giữ trong nhà chứa phân → Sử dụng làm phân bón cho diện tích cây xanh của dự án hoặc bán cho đơn vị làm phân bón.

+ Lợn chết từ quá trình chăm sóc: Được thu gom về khu dự phòng tiêu hủy lợn chết không do dịch bệnh để xử lý (Diện tích 300m² tại khu vực phía Tây Nam Dự án; bố trí cuối hướng gió, cách chuồng nuôi 100m). Xử lý bằng phương pháp chôn lấp vệ sinh; kích thước hố chôn lấp phải phù hợp với số lượng lợn chết tại thời điểm chôn lấp; quy trình chôn lấp thực hiện theo đúng quy định QCVN 01 - 41: 2011/BNNPTNT về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

- Bao bì đựng cám thải: Được thu gom, phun dung dịch sát khuẩn và tận dụng để chứa phân sau khi đã ủ hoai. Trường hợp Dự án có phát sinh dịch bệnh, bao bì thải sẽ được thu gom và tiêu hủy (Bằng phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh tại khu vực đất dự phòng tiêu hủy lợn chết).

- Bùn thải: Được thu gom định kỳ và quản lý theo quy định pháp luật về quản lý chất thải rắn.

+ Bùn thải thu gom từ bể tự hoại: Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định quản lý chất thải công nghiệp thông thường.

+ Bùn thải từ hầm biogas (Được thu gom định kỳ trong từng đợt nuôi) → Máy ép để giảm độ ẩm → Nhà ủ phân và ủ chung với phân lợn.

+ Bùn dư từ các bể xử lý sinh học: Được thu gom chuyển về bể chứa bùn; thực hiện lấy mẫu, phân định, phân loại bùn thải để có biện pháp quản lý theo quy định (Nếu bùn thải có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại thì được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại; nếu bùn thải không có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại thì được quản lý như chất thải công nghiệp thông thường).

- Chất thải chăn nuôi được vận chuyển theo đường vận chuyển riêng, đảm bảo các quy định về an toàn, vệ sinh dịch tễ và môi trường.

- Công trình: Nhà ủ phân và nhà chứa phân có diện tích 360m² bố trí phía Tây dự án (diện tích khu vực ủ 160m², diện tích khu vực chứa 200m²); có mương thu gom và đường dẫn nước thải từ quá trình ủ phân về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung; 01 máy ép phân có công suất 8m³/giờ).

- Yêu cầu: Thực hiện phân định, phân loại bùn thải và có biện pháp quản lý theo quy định. Chất thải rắn chăn nuôi được thu gom, xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi,

phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng cho mục đích khác. Phải đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án được thu gom, quản lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại

a) *Giai đoạn thi công, xây dựng*: Thu gom, lưu giữ tạm thời trong các thùng chứa riêng (Có nắp đậy, dán nhãn theo quy định). Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

b) *Giai đoạn vận hành*:

- Thu gom toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh và lưu chứa trong các thùng chứa riêng biệt, có dán nhãn cảnh báo và mã chất thải nguy hại theo đúng quy định; được lưu giữ tạm thời trong kho lưu giữ chất thải nguy hại theo đúng quy định (Diện tích khoảng 6m²; kích thước 3m x 2m). Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng theo quy định.

- Đối với Lợn chết do dịch bệnh:

+ Áp dụng đúng biện pháp xử lý theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Cục Thú y. Tuân thủ quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT và QCVN 01- 41:2011/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

+ Bố trí diện tích đất dự phòng 500m² để xử lý, tiêu hủy lợn chết do dịch bệnh bằng phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh; đảm bảo các quy định pháp luật về thú y và bảo vệ môi trường.

c) *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Thu gom, giám sát, quản lý; đảm bảo toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. *Giai đoạn thi công*

- Sử dụng máy móc, thiết bị thi công đạt đẳng kiểm trong quá trình thi công; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên.

- Công trình: không có.

4.3.2. *Giai đoạn vận hành*

- Xe ra vào yêu cầu đi với tốc độ chậm 5km/h; không cho các xe nổ máy trong lúc chờ nhận, xuất hàng.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Khu vực dự án cách xa khu dân cư, do đó âm thanh phát ra từ khu vực chuồng trại ảnh hưởng không đáng kể đến khu vực xung quanh. Bố trí hàng rào bao quanh Dự án, trồng dải cây xanh cách ly dọc theo tường rào; chuồng trại được thiết kế dưới dạng kín do vậy đã giảm thiểu được tác động do tiếng ồn từ các hoạt động của Dự án.

4.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố về xử lý nước thải

- Lập kế hoạch kiểm tra, bảo trì thường xuyên các hồ/bể xử lý. Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; trang bị thiết bị dự phòng tại hệ thống xử lý nước thải (máy bơm, máy thổi khí,..).

- Đường ống thoát nước thải (đoạn cắt qua đường nội đồng) được thiết kế âm so với mặt đất từ 0,5m-0,7m; đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, có tạo độ dốc để thoát nước dễ dàng.

- Trường hợp xảy ra sự cố đối với hầm biogas: Phải tiến hành kiểm tra để xác định nguyên nhân xảy ra sự cố và có biện pháp khắc phục phù hợp (Vệ sinh hầm biogas để không bị gây đóng váng; vá lợp bạt bị thủng hoặc bị hỏng; thay đường ống dẫn bị rò rỉ ...).

- Trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung: Nước thải sẽ được bơm về lưu chứa tại hồ chứa do sự cố (thể tích 430m³, có thể lưu chứa nước thải trong 5 ngày) để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố; sau đó được bơm trở lại Bể điều hòa của Hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý; đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Cột B trước khi chuyển qua hồ dự trữ để tái sử dụng.

b) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố về điện, cháy nổ

- Ban hành và giám sát thực hiện các nội quy làm việc tại Dự án (Gồm có: nội quy ra, vào Dự án; nội quy về bảo hộ lao động, sử dụng thiết bị; nội quy về an toàn điện; nội quy an toàn giao thông; nội quy an toàn, phòng chống cháy nổ).

- Hệ thống cấp nước chữa cháy luôn được đảm bảo, hệ thống máy bơm chữa cháy sẽ lắp đặt đúng theo thiết kế kỹ thuật được duyệt và trang bị đầy đủ các bình chữa cháy nhỏ để chủ động ứng cứu sự cố.

- Lắp đặt hệ thống thu lôi chống sét cho các nhà chăn nuôi, văn phòng theo tiêu chuẩn 20 TCVN 46-84 chống sét cho các công trình xây dựng.

- Các trang thiết bị về điện phải được kiểm tra, bảo trì theo quy định, bảo đảm tiêu chuẩn an toàn điện, không gây nguy hiểm cho người sử dụng.

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của hầm biogas, hệ thống thu khí biogas nhằm phát hiện và khắc phục kịp thời khả năng rò rỉ khí và các nguy cơ gây mất an toàn khác.

c) Phương pháp phòng chống dịch bệnh.

- Bố trí khu vực sát trùng cho người và các phương tiện vận chuyển ra vào Dự án; người ra vào trang trại phải mặc đồ bảo hộ theo quy định.

- Sử dụng lưới chống côn trùng tại khu vực chuồng nuôi để ngăn chặn sự xâm nhập của các loài côn trùng, đảm bảo an toàn sinh học trong chăn nuôi.

- Phun thuốc sát trùng khu chuồng trại, vệ sinh thức ăn, nước uống, dụng cụ chăn nuôi; phun định kỳ thuốc diệt côn trùng và vi sinh vật gây bệnh (1 tháng/lần), vào mùa mưa phun tăng cường 01 tuần/lần.

- Tuân thủ kế hoạch tiêm phòng bệnh dịch và các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường trong chăn nuôi.

- Áp dụng các nguyên tắc, quy định về phòng chống dịch bệnh và an toàn vệ sinh môi trường trong chăn nuôi của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016, Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019, Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

- Thường xuyên liên lạc với Cơ quan thú y có thẩm quyền để nắm bắt thông tin về tình hình phát sinh dịch bệnh, công tác phòng ngừa, ứng phó với dịch bệnh.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác

a) Biện pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Nước mưa chảy tràn tại khu vực thi công được thu về hệ thống mương, rãnh đào xung quanh, chảy về hệ thống các hố lắng (kích thước: 1m x 2m x 1,5m/hố/vị trí tập kết thi công, thể tích 03 m³/hố), bố trí dọc theo hướng thoát nước trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung.

+ Tổ chức thi công theo đúng phương án, thiết kế được cấp có thẩm quyền thẩm duyệt. Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông các tuyến cống thoát nước mưa của dự án và trên tuyến thoát nước chung có liên quan; hạn chế tối đa các nguy cơ gây ngập úng cục bộ khu vực dự án.

+ Không tập trung các loại nguyên vật liệu gần, cạnh các tuyến đường thoát nước để phòng ngừa xô đất, cát, vật liệu xây dựng vào đường thoát nước thải khi có mưa.

+ Che chắn bãi tập kết nguyên vật liệu, bố trí rãnh thoát nước mưa để hạn chế làm thất thoát nguyên vật liệu và gây ô nhiễm môi trường.

+ Khai thông dòng chảy theo điều kiện địa hình về suối nhỏ phía Nam dự án; không để xảy ra tình trạng ngập úng khu vực dự án và vùng gần kề.

+ Quản lý chất thải xây dựng phát sinh trên công trường theo đúng quy định, không để phát tán dầu nhớt thải vào đất hoặc trôi theo dòng nước.

- Giai đoạn vận hành: Bố trí hệ thống thu gom và thoát nước mưa tách riêng với nước thải. Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án → Thu gom theo hệ thống mương dẫn nội bộ bằng bê tông (Bố trí dọc theo tuyến đường nội bộ và sân bãi) → Mương thoát nước bằng đất (Bố trí dọc theo đường đất nội bộ) và chảy theo địa hình và tự thấm xuống đất.

+ Nước mưa trên mái nhà khu vực chăn nuôi và các công trình phụ trợ được thu gom vào các ống dẫn PVC D114 mm → Hệ thống mương dẫn nội bộ (Có bố trí song chắn rác, hố ga) → Mương thoát nước bằng đất.

+ Nước mưa chảy tràn trên sân và đường nội bộ: Thu gom về Hệ thống mương dẫn nội bộ → Mương thoát nước bằng đất.

+ Nước mưa chảy tràn tại các khu vực đất trống, khu vực cây xanh: chảy theo địa hình và tự thấm vào đất.

- Hệ thống mương dẫn nội bộ và mương thoát nước mưa được nạo vét định kỳ để loại bỏ rác, cặn lắng và khai thông dòng chảy.

- Công trình: Mương dẫn nội bộ (Xây bê tông; kích thước: 0,3m x 0,3m x 0,4m; độ dốc $i > 2\%$; mương hở; trên tuyến đường thoát nước có bố trí hố ga với kích thước 0,5m x 0,5m x 1m, khoảng cách giữa các hố ga là 50m)

b) Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông:

- Xây dựng phương án tổ chức thi công phù hợp; đảm bảo các hoạt động trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành của Dự án không gây ảnh hưởng đến việc đi lại của người dân trên tuyến đường liên xã. Trường hợp các phương tiện, thiết bị của dự án làm hư hỏng công trình, đường giao thông (liên xã, thôn, xóm,...), chủ dự án có trách nhiệm đền bù thiệt hại hoặc sửa chữa, khắc phục.

- Thực hiện đúng các yêu cầu nêu tại Công văn số 147/UBND-NN ngày 14/01/2022 của UBND huyện Cư M'gar về việc xây dựng trang trại chăn nuôi heo phát triển kinh tế hộ gia đình.

c) Biện pháp giảm thiểu tác động từ việc khai thác nước ngầm tại dự án

- Tuân thủ đúng các quy định pháp luật về hoạt động khai thác nước dưới đất phục vụ Dự án.

- Thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý có liên quan đến hoạt động khai thác nước dưới đất. Báo cơ quan chức năng khi phát hiện có dấu hiệu bất thường xảy ra (Hiện tượng sụt mực nước ngầm; sụt lún các công trình xung quanh khu vực khai thác; thay đổi về chất lượng nước ngầm ...).

5. Chương trình giám sát môi trường của Chủ Dự án

5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng

5.1.1. Giám sát chất lượng không khí xung quanh

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong suốt thời gian triển khai xây dựng.
- Vị trí: 02 điểm (Tại vị trí chịu tác động bởi hoạt động xây dựng của Dự án, về phía cuối hướng gió).
- Thông số: Tiếng ồn, Bụi tổng số, CO, SO₂, NO₂.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc hại trong chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi khi phát sinh chất thải) và khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.
- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ tạm thời chất thải.
- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn thông thường khác và chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.
- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ xây dựng Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

5.1.3. Giám sát chất lượng nước mặt

- Tần suất giám sát: 01 lần trong giai đoạn thi công.
- Vị trí giám sát: 01 điểm tại suối nhỏ giáp ranh dự án về phía Nam.
- Thông số: pH, COD, BOD₅, DO, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (NH₄⁺ tính theo N), Clorua (Cl), Coliform.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Cột B₁) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.1.4. Giám sát khác

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong giai đoạn xây dựng Dự án.
- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực dự án.
- Nội dung giám sát: Công tác PCCC, an toàn điện, an toàn và vệ sinh lao động, nguy cơ sạt lở, sụt lún, sạt lở, tiêu thoát nước và các sự cố môi trường có thể xảy ra.
- Tuân thủ theo các quy chuẩn, quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy, an toàn và vệ sinh lao động, an toàn điện và các quy định khác có liên quan.

5.2. Quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công

trình xử lý chất thải của Dự án

Việc quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án phải tuân thủ theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và theo Giấy phép môi trường của Dự án.

5.3. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành Dự án

5.3.1. Giám sát chất lượng không khí xung quanh

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần (Giám sát trong điều kiện dự án đang hoạt động chăn nuôi).

- Vị trí: 03 điểm (Tại vị trí chịu tác động bởi hoạt động của Dự án về phía cuối hướng gió; cách khoảng 30 m đối với khu chuồng nuôi, khu vực xử lý nước thải, khu vực ủ phân và chứa phân).

- Thông số: Tiếng ồn, Bụi tổng số, CO, SO₂, NH₃, H₂S, NO₂, CH₄.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc hại trong chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

5.3.2. Giám sát nước thải

Thực hiện giám sát nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 3 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và theo Giấy phép môi trường.

a) Giám sát đối với nước thải trước khi xử lý (Đầu vào hệ thống xử lý nước thải)

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 01 điểm (Sau bể thu gom 2, trước khi chuyển nước thải vào Bể điều hòa của Hệ thống xử lý nước thải).

- Thông số: Theo dõi lưu lượng, nhiệt độ.

b) Giám sát đối với nước thải sau khi xử lý (Đầu ra của Hệ thống xử lý nước thải)

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 01 điểm (Đầu ra của Hồ chứa nước thải sau xử lý)

- Thông số quan trắc: Lưu lượng, nhiệt độ, pH, BOD₅, COD, Tổng chất rắn lơ lửng, Tổng Nitơ, Tổng Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải chăn nuôi (Cột B) trước khi chuyển qua hồ chứa để tái sử dụng nước thải vào mùa khô/xả ra suối nhỏ vào mùa mưa

5.3.3. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: Nhà ủ phân, nhà chứa phân, khu vực lưu chứa tạm thời chất thải rắn thông thường và khu vực tiêu hủy lợn chết do quá trình chăm sóc.

- Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp thông thường.

- Thông số giám sát: tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải (Theo nội dung, yêu cầu kỹ thuật đã cam kết).

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

5.3.4. Giám sát chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi chuyển giao chất thải cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: Nhà lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại; khu vực tiêu hủy lợn chết do dịch bệnh.

- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

5.3.5. Giám sát chất lượng nước mặt

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 02 điểm (01 điểm tại suối nhỏ tiếp nhận nước thải sau xử lý vào mùa mưa và 01 điểm tại suối Ea Md'roh tại vị trí suối nhỏ nhập dòng, về phía hạ nguồn).

- Thông số: pH, COD, BOD₅, DO, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (NH₄⁺ tính theo N), Clorua (Cl), Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Cột B₁) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.3.6. Giám sát chất lượng nước dưới đất

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 02 điểm (Giếng khoan của Dự án).

- Thông số giám sát: pH, độ đục, Độ cứng tổng số (theo CaCO_3), Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Amôni (NH_4^+ tính theo N), Nitrit (NO_2^- tính theo N), Clorua (Cl^-), Florua (F^-), Sắt (Fe), Cadimi (Cd), Asen (As), Coliform, E. Coli.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 09-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

5.3.7. Giám sát nguy cơ về dịch bệnh

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký để theo dõi).
- Vị trí giám sát: Khu vực chăn nuôi và khu vực tiêu hủy, chôn lấp lợn chết.

- Nội dung giám sát: Công tác phòng chống dịch bệnh, vệ sinh thú y và tiêu hủy lợn chết (Do dịch bệnh và không do dịch bệnh).

- Tuân thủ theo các quy định, quy chuẩn pháp luật hiện hành về chăn nuôi, thú y và bảo vệ môi trường.

5.3.8. Giám sát sự cố môi trường và các giám sát khác

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký để theo dõi).
- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực dự án.
- Nội dung giám sát: Nguy cơ hư hỏng, tắc nghẽn hệ thống thu gom nước mưa và thoát nước mưa, hệ thống thu gom và thoát nước thải, hệ thống xử lý nước thải tập trung; sự cố sụt lún, tiêu thoát nước và các sự cố môi trường khác có thể xảy ra; công tác PCCC; an toàn điện; an toàn và vệ sinh lao động.

- Tuân thủ theo các quy chuẩn, quy định pháp luật về thu gom và xử lý nước thải, phòng cháy chữa cháy, an toàn và vệ sinh lao động, an toàn điện, quản lý bảo vệ rừng bền vững và các quy định khác liên quan.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

6.1. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, đất đai, tài nguyên nước, chăn nuôi và thú y. Chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Nhà nước theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chỉ được triển khai xây dựng Dự án sau khi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng theo quy định pháp luật.

6.2. Tuân thủ Quy hoạch tổng thể đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Thiết kế cơ sở của dự án (bao gồm các công trình bảo vệ môi trường) phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và thực hiện xây lắp các công trình này đúng theo quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng.

6.3. Áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp; tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan. Hạn chế tối đa các tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn và các tác động khác gây ảnh hưởng đến môi trường và khu vực lân cận; đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành Dự án. Áp dụng biện pháp về công nghệ để giảm thiểu hiệu quả các tác động tiêu cực do chất thải và mùi hôi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi, khu vực lưu chứa và xử lý chất thải của Dự án.

6.4. Xây dựng hoàn chỉnh các công trình xử lý chất thải của Dự án; lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường trình cơ quan chức năng có thẩm quyền kiểm tra, cấp phép trước khi vận hành công trình xử lý chất thải theo khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường; Báo cáo kế hoạch, kết quả vận hành thử nghiệm theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Sau khi được cấp giấy phép môi trường, chủ dự án vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; đăng ký môi trường trước khi vận hành chính thức sau khi đã hoàn thành vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

6.5. Đảm bảo khoảng cách, hành lang an toàn trong khu vực dự án và các đối tượng xung quanh, đảm bảo an toàn lộ giới theo đúng quy định của pháp luật. Bố trí đường vận chuyển chất thải riêng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát các công trình lưu giữ, xử lý chất thải của dự án.

6.6. Thực hiện đầy đủ thủ tục về khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất theo quy định. Chỉ khai thác nước giếng khoan sau khi được cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp phép; thực hiện khai thác với lưu lượng phù hợp với trữ lượng nước ngầm tại khu vực được phê duyệt và phù hợp với Giấy phép khai thác được cấp.

6.7. Tuân thủ các quy định về an toàn và phòng chống cháy nổ. Xây dựng kế hoạch, lắp đặt thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường; bảo đảm phòng ngừa và ứng phó kịp thời với các sự cố môi trường có thể xảy ra và báo cáo ngay với cơ quan chức năng của địa phương theo quy định. Việc chôn lấp, tiêu hủy vật nuôi chết do dịch bệnh phải được thực hiện theo quy định Quy chuẩn Việt Nam QCVN 01- 41:2011/BNNPTNT về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

6.8. Thiết lập mô hình quản lý, vận hành Dự án và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả. Thực hiện quan trắc, giám sát môi trường và công khai phiếu kết quả quan trắc chất thải định kỳ theo đúng quy định pháp luật hiện hành; báo cáo công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và lưu giữ các tài liệu có liên quan đến báo cáo tại cơ sở để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra.

6.9. Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện Dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có sự thay đổi so với Quyết định phê duyệt này, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường./.